



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

Cơ bản

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

hij

je/jij

ik

we/wij

het

zij

wat

zij

jullie

waarom

waar

wie

wanneer

welke

hoe

echt

als

dan

niet

omdat

maar

này

đó
vật

tất cả

hoặc

và

đây

đó
địa điểm

trái

phải

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

alle

dat

deze

hier

en

of

rechts

links

daar

de
ochtend
ochtenden

de
namiddag
namiddagen

nu

de
avond
avonden

de
ochtend
ochtenden

de
nacht
nachten

het
uur
uren

de
middernacht

de
middag
middagen

de
dag
dagen

de
seconde
seconden

de
minuut
minuten

tuần

tháng

năm

hôm qua

hôm nay

ngày mai

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

het
jaar
jaren

de
maand
maanden

de
week
weken

morgen

vandaag

gisteren

de
woensdag
woensdagen

de
dinsdag
dinsdagen

de
maandag
maandagen

de
zaterdag
zaterdagen

de
vrijdag
vrijdagen

de
donderdag
donderdagen

de
man
mannen

de
vrouw
vrouwen

de
zondag
zondagen

de
vriendin
vriendinnen

de
vriendje
vriendjes

de
liefde
liefdes

de
seks

de
kus
kussen

de
vriend
vrienden

trẻ em

con gái
đại cương

con trai
đại cương

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

chồng

vợ

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

de
jongen
jongens

het
meisje
meisjes

het
kind
kinderen

de
moeder
moeders

de
pa
pa's

de
ma
ma's

de
zoon
zoons

de
ouders

de
vader
vaders

het
broertje
broertjes

het
zusje
zusjes

de
dochter
dochters

de
man
mannen

de
grote broer
grote broers

de
grote zus
grote zussen

altijd

elk

de
vrouw
vrouwen

al

weer

eigenlijk

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

không có

rất

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

mọi người

cùng nhau

khác

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

meer

meest

minder

buiten

heel

geen

dichtbij

ver

binnen

naast

boven

beneden

iedereen

achter

voor

de
lente
lentes

overig

samen

de
winter
winters

de
herfst
herfsten

de
zomer
zomers

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

bắc

đông

nam

tây

thường xuyên

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

de
maart

de
februari

de
januari

de
juni

de
mei

de
april

de
september

de
augustus

de
juli

de
december

de
november

de
oktober

zuid
zuiden

oost
oosten

noord
noorden

onmiddellijk

vaak

west
westen

hoewel

plotseling

Số

0	1	2
3	4	5
6	7	8
9	10	11
12	13	14
15	16	17
18	19	20

de
twee
tweeën

de
één
enen

de
nul
nullen

de
vijf
vijven

de
vier
vieren

de
drie
drieën

de
acht
achten

de
zeven
zevens

de
zes
zessen

elf

de
tien
tienen

de
negen
negens

veertien

dertien

twaalf

zeventien

zestien

vijftien

twintig

negentien

achttien

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

zesentwintig

tweëntwintig

eenentwintig

drieëndertig

eenendertig

dertig

eenenveertig

veertig

zevenendertig

vijftig

achtenveertig

vierenveertig

negenenvijftig

vijfenvijftig

eenenvijftig

tweeënzestig

eenenzestig

zestig

eenenzeventig

zeventig

zesenzestig

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

100

101

105

110

151

200

202

206

220

262

300

tachtig

zevenenzeventig

drieënzeventig

achtentachtig

vierentachtig

eenentachtig

vijfennegentig

eenennegentig

negentig

honderdeen

honderd
honderden

negenennegentig

honderdeenenvijftig

honderdtien

honderdvijf

tweehonderdzes

tweehonderdtwee

tweehonderd

driehonderd

tweehonderdtweeënzestig

tweehonderdtwintig

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

600

601

606

616

660

700

702

driehonderddertig

driehonderdzeven

driehonderddrie

vierhonderdvier

vierhonderd

driehonderddrieënzeventig

vierhonderdvierentachtig

vierhonderdveertig

vierhonderdacht

vijfhonderdnegen

vijfhonderdvijf

vijfhonderd

zeshonderd

vijfhonderdvijfennegentig

vijfhonderdvijftig

zeshonderdzestien

zeshonderdzes

zeshonderdeen

zevenhonderdtwee

zevenhonderd

zeshonderdzestig

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

1000

1001

1012

1234

2000

2002

2023

2345

zevenhonderdzeventig

zevenhonderdzevenentwintig

zevenhonderdzeven

achthonderdacht

achthonderddrie

achthonderd

negenhonderd

achthonderdtachtig

achthonderdachtendertig

negenhonderdnegenenveertig

negenhonderdnegen

negenhonderdvier

duizend en een

duizend
duizenden

negenhonderdnegentig

tweeduizend

duizend
tweehonderdvierendertig

duizend twaalf

tweeduizend
driehonderdvijfenveertig

tweeduizend drieëntwintig

tweeduizend twee

3000

3003

4000

4045

5000

5678

6000

7000

7890

8000

8901

9000

9090

10.000

10.001

20.020

30.300

44.000

100.000

500.000

1.000.000

vierduizend

drieduizend drie

drieduizend

vijfduizend
zeshonderdachtenzeventig

vijfduizend

vierduizend vijfenveertig

zevenduizend
achthonderdnegentig

zevenduizend

zesduizend

negenduizend

achtduizend
negenhonderdeen

achtduizend

tienduizend een

tienduizend
tienduizenden

negenduizend negentig

vierenveertigduizend

dertigduizend driehonderd

twintigduizend twintig

één miljoen

vijfhonderdduizend

honderdduizend

6.000.000

10.000.000

70.000.000

100.000.000

800.000.000

1.000.000.000

9.000.000.000

10.000.000.000

20.000.000.000

100.000.000.000

300.000.000.000

1.000.000.000.000

zeventig miljoen

tien miljoen

zes miljoen

één miljard

achthonderd miljoen

honderd miljoen

twintig miljard

tien miljard

negen miljard

één biljoen

driehonderd miljard

honderd miljard

Động từ

biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

yêu

gọi

chờ đợi

đứng

ngồi

đóng

mở
cửa

thua

thắng

komen
kwam, gekomen

denken
dacht, gedacht

weten
wist, geweten

vinden
vond, gevonden

nemen
nam, genomen

zetten
zette, gezet

praten
praatte, gepraat

werken
werkte, gewerkt

luisteren
luisterde, geluisterd

helpen
hielp, geholpen

leuk vinden
vond, gevonden

geven
gaf, gegeven

wachten
wachtte, gewacht

bellen
belde, gebeld

houden van
hield, gehouden

sluiten
sloot, gesloten

zitten
zat, gezeten

staan
stond, gestaan

winnen
won, gewonnen

verliezen
verloor, verloren

openen
opende, geopend

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

kéo

đẩy

ấn

inschakelen

inschakelde, ingeschakeld

leven

leefde, geleefd

sterven

stierf, gestorven

verwonden

verwondde, verwond

vermoorden

vermoordde, vermoord

uitschakelen

uitschakelde, uitgeschakeld

drinken

dronk, gedronken

kijken

keek, gekeken

aanraken

aanraakte, aangeraakt

ontmoeten

ontmoette, ontmoet

lopen

liep, gelopen

eten

at, gegeten

volgen

volgde, gevolgd

kussen

kuste, gekust

wedden

wedde, gewed

vragen

vraagde, gevraagd

antwoorden

antwoordde, geantwoord

trouwen

trouwde, getrouwd

drukken

drukte, gedrukt

duwen

duwde, geduwd

trekken

trok, getrokken

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

thưởng thức

dọn dẹp

bắn

vechten
vocht, gevochten

vangen
ving, gevangen

slaan
sloeg, geslagen

lezen
las, gelezen

rennen
rende, gerend

gooien
gooide, gegooid

tellen
telde, geteld

repareren
repareerde, gerepareerd

schrijven
schreef, geschreven

kopen
kocht, gekocht

verkopen
verkocht, verkocht

knippen
knipte, geknipt

dromen
droomde, gedroomd

studeren
studeerde, gestudeerd

betalen
betaalde, betaald

vieren
vierde, gevierd

spelen
speelde, gespeeld

slapen
sliep, geslapen

schieten
schoot, geschoten

schoonmaken
maakte schoon, schoongemaakt

genieten
genoot, genoten

bảo vệ

tấn công

trộm

đốt

cứu

bay

khắc nhớ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủ

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

chia sẻ

cho ăn

trốn

stelen
stal, gestolen

aanvallen
aanviel, aangevallen

verdedigen
verdedigde, verdedigd

vliegen
vloog, gevlogen

redden
redde, gered

verbranden
verbrandde, verbrand

bijten
beet, gebeten

schoppen
schopte, geschopt

spugen
spooog, gespuugd

huilen
hulde, gehuild

ruiken
rook, geroken

ademen
ademde, geademd

lachen
lachte, gelachen

glimlachen
glimlachte, geglimlacht

zingen
zong, gezongen

ruzie maken
maakte, gemaakt

krimpen
kromp, gekrompen

groeien
groeide, gegroeid

verstoppen
verstopte, verstopt

voeden
voedde, gevoed

delen
deelde, gedeeld

cảnh báo

bơi

nhảy

nâng

đào

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

nôn

la hét

trích dẫn

in

tính toán

kiếm tiền

springen
sprong, gesprongen

zwemmen
zwom, gezwommen

waarschuwen
waarschuwde, gewaarschuwd

bezorgen
bezorgde, bezorgd

graven
groef, gegraven

optillen
optilde, opgetild

reizen
reisde, gereisd

oefenen
oefende, geoefend

zoeken
zocht, gezocht

op slot doen
deed, gedaan

openen
opende, geopend

verven
verfde, geverfd

koken
kookte, gekookt

bidden
bad, gebeden

wassen
waste, gewassen

citeren
citeerde, geciteerd

schreeuwen
schreeuwde, geschreeuwd

braken
braakte, gebraakt

verdienen
verdiende, verdiend

rekenen
rekende, gerekend

printen
printte, geprint

Tính từ

mới

cũ

ít

nhiều

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

lớn
to

xinh đẹp

trẻ

già

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

weinig

oud

nieuw

correct

fout

veel

gelukkig

goed

slecht

klein

lang

kort

jong

mooi

groot

zwart

wit

oud

groen

blauw

rood

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

dễ

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

snel

langzaam

geel

eerlijk

oneerlijk

grappig

rijk

gemakkelijk

moeilijk

zwak

sterk

arm

trots

moe

veilig

gezond

ziek

vol

hoog

laag

boos

ngọt

chua

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

lo lắng

ngạc nhiên

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

màu cam

màu xám

màu nâu

màu hồng

zacht

zuur

zoet

dom

schattig

hard

lang

druk

gek

verrast

bezorgd

klein

slim

boosaardig

beleefd

oranje

heet

koud

roze

bruin

grijs

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

đốc

bằng phẳng

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

quyến rũ

licht

zwaar

saai

dorstig

hongerig

eenzaam

vlak

steil

verdrietig

diep

breed

smal

vuil

reusachtig

ondiep

leeg

vol

schoon

sexy

goedkoop

duur

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

ướt

khô

ồn ào

yên tĩnh

nắng

nhiều mưa

sương mù
tính từ

nhiều mây

gul

moedig

lui

luid

droog

nat

regenachtig

zonnig

rustig

bewolkt

mistig

Thể thao

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

chạy marathon

ba môn phối hợp

bóng bàn

cử tạ

quyền anh

cầu lông

trượt băng nghệ thuật

trượt ván tuyết

trượt tuyết

trượt tuyết băng đồng

khúc côn cầu trên băng

het
hardlopen

het
tennis

de
gymnastiek

het
voetbal

het
golf

het
wielrennen

het
duiken

het
zwemmen

het
basketbal

de
triathlon

de
marathon

het
hiken

het
boksen

het
gewichtheffen

het
tafeltennis

het
snowboarden

het
kunstschaatsen

het
badminton

de
ijshockey

het
langlaufen

het
skiën

bóng chuyền

bóng ném

bóng chuyền bãi biển

bóng rugby

bóng gậy

bóng chày

bóng bầu dục Mỹ

bóng nước

nhảy cầu

lướt sóng

đua thuyền buồm

chèo thuyền

yoga

khiêu vũ

nhảy dù

cờ vua

đánh bài poker

bowling

múa ba lê

het
beachvolleybal

het
handbal

het
volleybal

het
honkbal

het
cricket

het
rugby

het
schoonspringen

het
waterpolo

het
American football

het
roeien

het
zeilen

het
surfen

het
parachutespringen

het
dansen

de
yoga

het
bowlen

het
poker

het
schaken

het
ballet

Động vật

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

con rắn

con hổ

con chuột

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

het
paard
paarden

de
koe
koeien

het
varken
varkens

de
aap
apen

het
schaap
schapen

de
hond
honden

de
kip
kippen

de
beer
beren

de
kat
katten

de
bij
bijen

de
vlinder
vlinders

de
eend
eenden

de
slang
slangen

de
spin
spinnen

de
vis
vissen

het
konijn
konijnen

de
muis
muizen

de
tijger
tijgers

de
olifant
olifanten

de
ezel
ezels

de
leeuw
leeuwen

con chim bồ câu

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

con gấu trúc

con gấu Bắc cực

con chó sói

con gấu túi

con chuột túi

con hươu cao cổ

con cáo

con hà mã

con dơi

con quạ

con thiên nga

de
mug
muggen

de
kever
kevers

de
duif
duiven

de
walvis
walvissen

de
mier
mieren

de
vlieg
vliegen

de
slak
slakken

de
dolfijn
dolfijnen

de
haai
haaien

de
ijsbeer
ijsberen

de
panda
panda's

de
kikker
kikkers

de
kangoeroe
kangoeroes

de
koala
koala's

de
wolf
wolven

het
nijlpaard
nijlpaarden

de
vos
vossen

de
giraf
giraffen

de
zwaan
zwanen

de
raaf
raven

de
vleermuis
vleermuizen

con chim hải âu

con cú

con chim cánh cụt

con vẹt

con sâu bướm

con chuồn chuồn

con mực ống

con bạch tuộc

con cá ngựa

con hải cẩu

con sứa

con cua

con khủng long

con rùa cạn

con cá sấu

de
pinguïn
pinguïns

de
uil
uilen

de
meeuw
meeuwen

de
libel
libellen

de
rups
rupsen

de
papegaai
papegaaien

het
zeepaardje
zeepaardjes

de
octopus
octopussen

de
inktvis
inktvisen

de
krab
krabben

de
kwal
kwallen

de
zeehond
zeehonden

de
krokodil
krokodillen

de
schildpad
schildpadden

de
dinosaurius
dinosaurussen

Quốc gia

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

Châu Phi

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Amerika

Azië

Europa

Spanje

Verenigd Koninkrijk

Afrika

Frankrijk

Italië

Zwitserland

Singapore

Thailand

Duitsland

Israël

Japan

Rusland

Verenigde Staten van
Amerika

China

India

Chili

Canada

Mexico

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Zuid-Afrika

Argentinië

Brazilië

Libië

Marokko

Nigeria

Egypte

Algerije

Kenia

Australië

Nieuw-Zeeland

Cơ thể

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

cổ

mông

vai

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

het
haar
haren

de
neus
neuzen

het
hoofd
hoofden

het
oog
ogen

het
oor
oren

de
mond
monden

het
hart
harten

de
voet
voeten

de
hand
handen

de
kont
konten

de
nek
nekken

de
hersenen
hersenen

het
been
benen

de
knie
knieën

de
schouder
schouders

de
boezem
boezems

de
buik
buiken

de
arm
armen

de
tong
tongen

de
tand
tanden

de
rug
ruggen

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

trán

cằm

má
cơ thể

râu

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

móng tay

gót chân

xương sống

de
teen
tenen

de
vinger
vingers

de
lip
lippen

de
lever
levers

de
long
longen

de
maag
magen

de
darm
darmen

de
nier
nieren

de
zenuw
zenuwen

de
wang
wangen

de
kin
kinnen

het
voorhoofd
voorhoofden

de
pink
pinken

de
duim
duimen

de
baard
baarden

de
wijsvinger
wijsvingers

de
middelvinger
middelvingers

de
ringvinger
ringvingers

de
wervelkolom
wervelkolommen

de
hiel
hielen

de
vingernagel
vingernagels

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàng quang

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

het
skelet
skeletten

het
bot
botten

de
spier
spieren

de
blaas
blazen

de
wervel
wervels

de
rib
ribben

de
vagina
vagina's

de
slagader
slagaders

de
ader
aders

de
zaadbal
zaadballen

de
penis
penissen

het
sperma

Ngôi nhà

cửa

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

thùng rác

tô

bàn
văn phòng

de
badkamer
badkamers

de
keuken
keukens

de
deur
deuren

de
tuin
tuinen

de
slaapkamer
slaapkamers

de
woonkamer
woonkamers

de
kelder
kelders

de
muur
muren

de
garage
garages

het
dak
daken

de
trap
trappen

het
toilet
toiletten

de
kop
koppen

het
mes
messen

het
raam
ramen

de
beker
bekers

het
bord
borden

het
glas
glazen

het
bureau
bureaus

de
kom
kommen

de
afvalbak
afvalbakken

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hàng xóm

thang máy

ban công

gác xép

ống khói

muỗng gỗ

đũa

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

cái vá

nồi

chảo

de
douche
douches

de
spiegel
spiegels

het
bed
bedden

de
klok
klokken

de
foto
foto's

de
bank
banken

de
buur
buren

de
stoel
stoelen

de
tafel
tafels

de
zolder
zolders

het
balkon
balkons

de
lift
liften

het
eetstokje
eetstokjes

de
pollepel
pollepels

de
schoorsteen
schoorstenen

de
vork
vorken

de
lepel
lepels

het
bestek

de
pan
pannen

de
kookpot
kookpotten

de
soeplepel
soeplepel

bóng đèn

giá sách

rèm

nệm

gối

chăn

kệ

ngăn kéo

tủ quần áo

xô

chổi

cái cân

giỏ đựng đồ giặt

bồn tắm

khăn tắm
to lớn

xà phòng

giấy vệ sinh

khăn tắm
nhỏ bé

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

het
gordijn
gordijnen

de
boekenplank
boekenplanken

de
gloeilamp
gloeilampen

de
deken
dekens

het
kussen
kussens

het
matras
matrassen

de
kledingkast
kledingkasten

de
lade
laden

de
plank
planken

de
weegschaal
weegschalen

de
bezem
bezems

de
emmer
emmers

de
badhanddoek
badhanddoeken

het
bad
baden

de
wasmand
wasmanden

de
handdoek
handdoeken

het
toilet papier
toilet papier

de
zeep
zepen

de
brievenbus
brievenbussen

de
ladder
ladders

de
wasbak
wasbakken

hàng rào



Thức ăn

trứng

phô mai

sữa

cá

thịt

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

nước

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

de
melk

de
kaas
kazen

het
ei
eieren

het
bot
botten

het
vlees

de
vis
vissen

de
suiker
suikers

het
brood
broden

de
olie
oliën

de
cake
cakes

het
snoep

de
chocola

de
thee
theeën

de
koffie
koffies

het
water
waters

de
salade
salades

de
wijn
wijnen

het
bier
bieren

het
ontbijt
ontbijten

het
nagerecht
nagerechten

de
soep
soepen

bữa trưa

bữa tối

pizza

kem

bơ

sữa chua

cá ngừ

cá hồi

giăm bông

thịt ba rọi

xúc xích

thịt gà tây

thịt gà

thịt bò

thịt heo

thịt cừu

bí ngô

nấm

nấm cục

tỏi

tỏi tây

de
pizza
pizza's

het
avondeten

de
lunch
lunches

de
yoghurt

de
boter

het
ijsje
ijsjes

de
ham
hammen

de
zalm
zalmen

de
tonijn
tonijnen

het
kalkoenvlees

de
worst
worsten

het
spek

het
varkensvlees

het
rundvlees

het
kippenvlees

de
paddestoel
paddestoelen

de
pompoen
pompoenen

het
lamsvlees

de
prei
preien

de
knoflook

de
truffel
truffels

gừng

cà tím

khoai lang

cà rốt

dưa chuột

ớt

ớt chuông

củ hành

khoai tây

bông cải trắng

bắp cải

bông cải xanh

xà lách

rau chân vịt

tre

ngô

cần tây

đậu Hà Lan

hạt đậu

quả lê

quả táo

de
zoete aardappel
zoete aardappelen

de
aubergine
aubergines

de
gember

de
chilipeper
chilipepers

de
komkommer
komkommers

de
wortel
wortels

de
aardappel
aardappelen

de
ui
uien

de
paprika
paprika's

de
broccoli

de
kool
kolen

de
bloemkool
bloemkolen

de
bamboe

de
spinazie

de
sla

de
erwt
erwten

de
selderij

de
maïs

de
appel
appels

de
peer
peren

de
boon
bonen

quả ô liu

quả sung

quả chà là

quả dừa

quả hạnh nhân

hạt phỉ

đậu phộng

quả chuối

quả xoài

quả kiwi

quả bơ

quả dứa

dưa hấu

quả nho

dưa gang

quả mâm xôi

quả việt quất

quả dâu tây

quả anh đào

quả mận

quả mơ

de
dadel
dadels

de
vijg
vijgen

de
olijf
olijven

de
hazelnoot
hazelnooten

de
amandel
amandelen

de
kokosnoot
kokosnoten

de
mango
mango's

de
banaan
bananen

de
pinda
pinda's

de
ananas
ananasen

de
avocado
avocado's

de
kiwi
kiwi's

de
suikermeloen
suikermeloenen

de
druif
druiven

de
watermeloen
watermeloenen

de
aardbei
aardbeien

de
bosbes
bosbessen

de
framboos
frambozen

de
abrikoos
abrikozen

de
pruim
pruimen

de
kers
kersen

quả đào

quả chanh

quả bưởi

quả cam

cà chua

bạc hà

sả

quế

vani

muối

tiêu

cà ri

thuốc lá
thực vật

đậu hũ

giấm

mì sợi

sữa đậu nành

bột mì

gạo

yến mạch

lúa mì

de
grapefruit
grapefruits

de
citroen
citroenen

de
perzik
perziken

de
munt

de
tomaat
tomaten

de
sinaasappel
sinaasappels

de
vanille

de
kaneel

het
citroengras

de
kerrie

de
peper

het
zout

de
azijn
azijnen

de
tofu

de
tabak

de
meel

de
sojamelk

de
noedel
noedels

de
tarwe

de
haver

de
rijst

đậu nành

hạt

mật ong

mứt

kẹo cao su

bánh kẹp

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

nước táo

sữa lắc

coca cola

sô cô la nóng

rượu cocktail

rượu rum

rượu whisky

rượu vodka

thực đơn

de
honing

de
noot
noten

de
soja

de
pannenkoek
pannenkoeken

de
kauwgom

de
jam

de
muffin
muffins

de
pudding
puddingen

het
koekje
koekjes

de
sinaasappelsap

de
energiedrank
energiedranken

de
donut
donuts

de
cola
cola's

de
milkshake
milkshakes

de
appelsap

de
rum

de
cocktail
cocktails

de
warme chocolademelk

het
menu
menu's

de
wodka
wodka's

de
whisky
whisky's

hải sản

mì Ý

sushi

bắp rang bơ

khoai tây lát mỏng

cánh gà

khoai tây chiên

mù tạt

sốt mayonnaise

nước sốt cà chua

bánh mì kẹp

bánh mì kẹp xúc xích

bánh burger

de
sushi
sushi's

de
spaghetti

de
zeevruchten

de
kippenvleugels

de
chips

de
popcorn

de
mayonaise
mayonaises

de
mosterd

de
Franse frietjes

de
hotdog
hotdogs

de
boterham
boterhammen

de
ketchup

de
burger
burgers

Trường học

sách

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

cây bút

bút chì

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

ngiên cứu

bằng cấp

sân thể thao

từ điển

học kì

sổ tay

hình học

het
huiswerk

de
bibliotheek
bibliotheken

het
boek
boeken

de
wetenschap

de
les
lessen

het
examen
examens

de
pen
pennen

de
kunst

de
geschiedenis

de
tweede
tweeden

de
eerste
eersten

het
potlood
potloden

het
onderzoek
onderzoeken

de
vierde
vierden

de
derde
derden

het
woordenboek
woordenboeken

het
sportveld
sportvelden

de
graad
graden

de
geometrie

het
notitieboek
notitieboeken

het
semester
semesters

chính trị học

triết học

kinh tế học

giáo dục thể chất

sinh học

toán học

địa lý

văn học

hóa học

vật lý

cải thước

cục tẩy

cái kéo

băng dính

keo dán

bút bi

kẹp giấy

3%

100%

0%

mét khối

de
economie

de
filosofie

de
politiek

de
wiskunde

de
biologie

de
lichamelijke opvoeding

de
scheikunde

de
literatuur

de
aardrijkskunde

de
gum
gummen

de
liniaal
linialen

de
natuurkunde

de
lijm
lijmen

het
plakband

de
schaar
scharen

drie procent

de
paperclip
paperclips

de
balpen
balpennen

de
kubieke meter
kubieke meters

nul procent

honderd procent

mét vuông

dặm

mét

mi-li-mét

xen-ti-mét

đề-xi-mét

phép cộng

phép trừ

phép nhân

phép chia

diện tích

thể tích

hình chữ nhật

hình vuông

tam giác

hình tròn

lít

mililít

tấn

kilôgam

gram

de
meter
meters

de
mijl
mijlen

de
vierkante meter
vierkante meters

de
decimeter
decimeters

de
centimeter
centimeters

de
millimeter
millimeters

het
vermenigvuldigen

het
aftrekken

het
optellen

het
volume
volumen

het
oppervlakte
oppervlaktes

het
delen

de
driehoek
driehoeken

het
vierkant
vierkanten

de
rechthoek
rechthoeken

de
milliliter
milliliters

de
liter
liters

de
cirkel
cirkels

de
gram
grammen

de
kilogram
kilogrammen

de
ton
tonnen

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

phòng thí nghiệm

bài giảng

de
trechter
trechters

de
microscop
microscopen

de
magneet
magneten

het
hoorcollege
hoorcolleges

het
laboratorium
laboratoria

Thiên nhiên

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

đại dương

biển

băng

tuyết

de
diamant
diamanten

het
vuur

de
as

de
ster
sterren

de
zon

de
maan
manen

het
meer
meren

de
kust
kusten

de
planeet
planeten

de
heuvel
heuvels

de
woestijn
woestijnen

het
bos
bossen

de
vallei
valleien

de
rivier
rivieren

de
rots
rotsen

de
ocean
oceanen

het
eiland
eilanden

de
berg
bergen

de
sneeuw

het
ijs

de
zee
zeeën

bão táp

mưa

gió

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

kim loại

đất

dung nham

than

cát

đất sét

tên lửa

vệ tinh

thiên hà

tiểu hành tinh

lục địa

đường Xích đạo

Nam cực

Bắc cực

de
wind
winden

de
regen
regens

de
storm
stormen

de
roos
rozen

het
gras
grassen

de
boom
bomen

de
bodem

het
metaal
metalen

de
bloem
bloemen

het
zand

de
kool
kolen

de
lava

de
satelliet
satellieten

de
raket
raketten

de
klei

het
continent
continenten

de
asteroïde
asteroïden

het
sterrenstelsel
sterrenstelsels

de
Noordpool

de
Zuidpool

de
evenaar
evenaars

suối

rừng nhiệt đới

hang

thác nước

bờ biển
con sông

sông băng

động đất

miệng núi lửa

núi lửa

khí quyển

lũ lụt

sương mù
danh từ

cầu vồng

tiếng sấm

tia chớp

cơn dông

nhiệt độ

bão nhiệt đới

bão

mây

cành cây

de
grot
grotten

het
regenwoud
regenwouden

de
stroom
stromen

de
gletsjer
gletsjers

de
oever
oevers

de
waterval
watervallen

de
vulkaan
vulkanen

de
krater
kraters

de
aardbeving
aardbevingen

de
nevel

de
overstroming
overstromingen

de
atmosfeer
atmosferen

de
bliksem
bliksems

de
donder
donders

de
regenboog
regenbogen

de
tyfoon
tyfoons

de
temperatuur
temperaturen

de
onweersbui
onweersbuien

de
tak
takken

de
wolk
wolken

de
orkaan
orkanen

lá cây

rễ cây

thân cây

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

nguyên tử

sắt

ôxy

vàng

bạc

de
boomstam
boomstammen

de
wortel
wortels

het
blad
bladeren

de
koolstofdioxide

het
plastic
plastics

het
zaad
zaden

de
zuurstof

het
ijzer

het
atoom
atomen

het
zilver

het
goud

Giao thông

xe hơi

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

ắc quy

động cơ
xe hơi

túi khí

vô-lăng

dây an toàn

lốp xe

cốp sau

de
trein
treinen

de
bus
bussen

de
auto
auto's

het
vliegtuig
vliegtuigen

de
bushalte
bushaltes

het
treinstation
treinstations

de
fiets
fietsen

de
vrachtwagen
vrachtwagens

het
schip
schepen

het
stoplicht
stoplichten

de
taxi
taxi's

de
motorfiets
motorfietsen

de
accu
accu's

de
weg
wegen

de
parkeerplaats
parkeerplaatsen

het
stuur
sturen

de
airbag
airbags

de
motor
motoren

de
kofferbak
kofferbakken

de
band
banden

de
gordel
gordels

máy bán vé

phòng bán vé

tàu điện ngầm

tàu cao tốc

đầu máy

xe điện

xe buýt trường học

xe buýt nhỏ

sân bay

hãng hàng không

máy bay trực thăng

hạng nhất

hạng phổ thông

hạng thương gia

áo phao

công ten nơ

tàu ngầm

tàu du lịch

tàu chở hàng

du thuyền

phà

de
metro
metro's

het
kaartjesloket
kaartjesloketten

de
kaartautomaat
kaartautomaten

de
tram
trams

de
locomotief
locomotieven

de
hogesnelheidstrein
hogesnelheidstreinen

de
luchthaven
luchthavens

de
minibus
minibussen

de
schoolbus
schoolbussen

de
eerste klasse

de
helikopter
helikopters

de
luchtvaartmaatschappij
luchtvaartmaatschappijen

het
reddingsvest
reddingsvesten

de
business class

de
economy class

het
cruiseschip
cruiseschepen

de
onderzeeër
onderzeeërs

de
container
containers

de
veerboot
veerboten

het
jacht
jachten

het
containerschip
containerschepen

hải cảng

xuồng cứu sinh

ra đa

đèn đường

vĩa hè

trạm xăng

công trường

vạch qua đường

tắc đường

đường cao tốc

xe tăng

máy xúc

máy kéo

rơ-moóc

xe tay ga

xe cáp treo

de
radar
radars

de
reddingsboot
reddingsboten

de
haven
havens

het
benzinstation
benzinstations

de
stoep
stoepen

de
straatlantaarn
straatlantaarns

de
file
files

het
zebrapad
zebrapaden

de
bouwplaats
bouwplaatsen

de
graafmachine
graafmachines

de
tank
tanks

de
snelweg
snelwegen

de
scooter
scooters

de
aanhangwagen
aanhangwagens

de
tractor
tractors

de
kabelbaan
kabelbanen

Thành phố

bệnh viện

trường học

nhà ở

hóa đơn

chợ

siêu thị

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

het
huis
huizen

de
school
scholen

het
ziekenhuis
ziekenhuizen

de
supermarkt
supermarkten

de
markt
markten

de
rekening
rekeningen

de
boerderij
boerderijen

de
universiteit
universiteiten

het
appartement
appartementen

de
bar
bars

het
restaurant
restaurants

de
kerk
kerken

het
toilet
toiletten

het
park
parken

de
sportschool
sportscholen

de
politie

de
ambulance
ambulances

de
kaart
kaarten

de
buizenwijk
buitenwijken

het
land
landen

de
brandweerlieden

ngôi làng

bảo hành

trung tâm mua sắm

tiệm thuốc

tòa nhà chọc trời

lâu đài

đại sứ quán

giáo đường Do Thái

ngôi đền

nhà máy

nhà thờ Hồi giáo

tòa thị chính

bưu điện

đài phun nước

câu lạc bộ đêm

băng ghế

sân golf

sân bóng đá

hồ bơi
tòa nhà

sân quần vợt

thông tin du lịch

het
winkelcentrum
winkelcentra

de
garantie
garanties

het
dorp
dorpen

het
kasteel
kastelen

de
wolkenkrabber
wolkenkrabbers

de
apotheek
apotheken

de
tempel
tempels

de
synagoge
synagoges

de
ambassade
ambassades

het
stadhuis
stadhuizen

de
moskee
moskeeën

de
fabriek
fabrieken

de
nachtclub
nachtclubs

de
fontein
fonteinen

het
postkantoor
postkantoren

het
voetbalstadion
voetbalstadions

de
golfbaan
golfbanen

het
bankje
bankjes

de
toeristeninformatie

de
tennisbaan
tennisbanen

het
zwembad
zwembaden

sòng bạc

phòng triển lãm nghệ thuật

bảo tàng

công viên quốc gia

quà lưu niệm

thủy cung

trượt nước

tàu lượn siêu tốc

công viên nước

vườn bách thú

sân chơi

cửa thoát hiểm
tòa nhà

chuông báo cháy

bình cứu hỏa

đồn cảnh sát

tiểu bang

khu vực

thủ đô

het
museum
musea

de
kunstgalerij
kunstgalerijen

het
casino
casino's

het
aquarium
aquaria

het
souvenir
souvenirs

het
nationaal park
nationale parken

het
waterpark
waterparken

de
achtbaan
achtbanen

de
waterglijbaan
waterglijbanen

de
nooduitgang
nooduitgangen

de
speelplaats
speelplaatsen

de
dierentuin
dierentuinen

het
politiebureau
politiebureaus

de
brandblusser
brandblussers

het
brandalarm
brandalarmen

de
hoofdstad
hoofdsteden

de
regio
regio's

de
staat
staten

Bệnh viện

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

ho

phòng cấp cứu

khoa hồi sức tích cực

phòng chờ

thuốc aspirin

thuốc ngủ

ngày hết hạn

liều lượng

si-rô ho

tác dụng phụ

insulin

bột

viên nhộng

vitamin

thuốc giảm đau

kháng sinh

de
operatie
operaties

de
patiënt
patiënten

het
ongeval
ongevallen

de
hoest

de
koorts
koortsen

de
pil
pillen

de
wachtkamer
wachtkamers

de
intensive care

de
spoedeisende hulp

de
vervaldatum
vervaldata

de
slaappil
slaappillen

de
aspirine
aspirines

de
bijwerking
bijwerkingen

de
hoestsiroop
hoestsiropen

de
dosering
doseringen

de
capsule
capsules

de
poeder
poeders

de
insuline

het
antibioticum
antibiotica

de
pijnstillert
pijnstillers

de
vitamine
vitamines

vi khuẩn

vi rút

đau tim

tiêu chảy

tiểu đường

đột quỵ

hen suyễn

ung thư

cúm

đau răng

cháy nắng

viêm họng

đau bụng

nhiễm trùng

dị ứng

chuồn rút

đau đầu

ống tiêm

nặng

chụp X quang

máy siêu âm

de
hartaanval
hartaanvallen

het
virus
virussen

de
bacterie
bacteriën

de
beroerte
beroertes

de
suikerziekte

de
diarree

de
griep

de
kanker
kankers

de
astma

de
keelpijn
keelpijnen

de
zonnebrand

de
kiespijn

de
allergie
allergieën

de
infectie
infecties

de
buikpijn
buikpijnen

de
sput
spuiten

de
hoofdpijn
hoofdpijnen

de
kramp
krampen

het
echo-apparaat
echo-apparaten

de
röntgenfoto
röntgenfoto's

de
kruk
krukken

bó bột
nhỏ bé

xe lăn

bó bột
gãy xương

mạch

chấn thương

cấp cứu

chấn động

vết bỏng

gãy xương

thuốc tránh thai

thử thai

het
gips
gipsen

de
rolstoel
rolstoelen

de
pleister
pleisters

het
noodgeval
noodgevallen

de
verwonding
verwondingen

de
polsslag
polsslagen

de
botbreuk
botbreuken

de
brandwond
brandwonden

de
hersenschudding
hersenschuddingen

de
zwangerschapstest
zwangerschapstesten

de
anticonceptiepil
anticonceptiepillen

Nghề nghiệp

bác sĩ

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

người mẫu

nghệ sĩ

thủ tướng

dược sĩ

de
politieagent
politieagenten

de
verpleegster
verpleegsters

de
dokter
dokters

de
detective
detectives

de
kapitein
kapiteins

de
president
presidenten

de
leraar
leraren

de
professor
professors

de
piloot
piloten

de
assistent
assistenten

de
secretaris
secretarissen

de
advocaat
advocaten

de
kok
koks

de
manager
managers

de
rechter
rechters

het
model
modellen

de
buschauffeur
buschauffeurs

de
taxichauffeur
taxichauffeurs

de
apotheker
apothekers

de
minister-president
minister-presidenten

de
artiest
artiesten

lính cứu hỏa
người

nha sĩ

doanh nhân

chính trị gia

lập trình viên

tiếp viên hàng không

nhà khoa học

giáo viên mầm non

kiến trúc sư

kế toán viên

tư vấn viên

công tố viên

tổng quản lý

vệ sĩ

chủ nhà

bồi bàn

nhân viên bảo vệ

bộ đội

ngư dân

nhân viên vệ sinh

thợ sửa ống nước

de
ondernemer
ondernemers

de
tandarts
tandartsen

de
brandweerman
brandweermannen

de
stewardess
stewardessen

de
programmeur
programmeurs

de
politicus
politici

de
architect
architecten

de
kleuterjuf
kleuterjuffen

de
wetenschapper
wetenschappers

de
aanklager
aanklagers

de
consultant
consultants

de
accountant
accountants

de
huisbaas
huisbazen

de
lijfwacht
lijfwachten

de
algemeen directeur
algemeen directeurs

de
soldaat
soldaten

de
bewaker
bewakers

de
ober
obers

de
loodgieter
loodgieters

de
schoonmaker
schoonmakers

de
visser
vissers

thợ điện

nông dân

lễ tân

người đưa thư

thu ngân

thợ làm tóc

tác giả

nhà báo

nhà nhiếp ảnh gia

nhân viên cứu hộ

ca sĩ

nhạc sĩ

diễn viên

phóng viên

huấn luyện viên

trọng tài

de
receptionist
receptionisten

de
boer
boeren

de
elektricien
elektriciens

de
kapper
kappers

de
caissière
caissières

de
postbode
postbodes

de
fotograaf
fotografen

de
journalist
journalisten

de
auteur
auteurs

de
muzikant
muzikanten

de
zanger
zangers

de
badmeester
badmeesters

de
trainer
trainers

de
verslaggever
verslaggevers

de
acteur
acteurs

de
scheidsrechter
scheidsrechters

Kinh doanh

tiền

văn phòng

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

số điện thoại

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

de
stress

het
kantoor
kantoren

het
geld

de
afdeling
afdelingen

het
personeel

de
verzekering
verzekeringen

de
brief
brieven

het
adres
adressen

het
salaris

het
e-mailadres
e-mailadressen

de
URL
URL's

het
telefoonnummer
telefoonnummers

de
handtekening
handtekeningen

de
e-mail
e-mails

de
website
websites

de
klant
klanten

de
winst
winsten

het
verlies
verliezen

het
wachtwoord
wachtwoorden

de
kredietkaart
kredietkaarten

het
bedrag
bedragen

máy rút tiền

thuế

phòng họp

danh thiếp

công nghệ thông tin

nhân sự

bộ phận pháp lý

kế toán

tiếp thị

bán hàng

đồng nghiệp

người sử dụng lao động

nhân viên
người

chú thích

thuyết trình

bìa cứng

con dấu cao su

máy chiếu

bưu kiện

con tem

phong bì

de
vergaderzaal
vergaderzalen

de
belasting
belastingen

de
geldautomaat
geldautomaten

de
personeelszaken

de
ICT

het
visitekaartje
visitekaartjes

de
marketing

de
boekhouding

de
juridische afdeling
juridische afdelingen

de
werkgever
werkgevers

de
collega
collega's

de
verkoop
verkopen

de
presentatie
presentaties

de
notitie
notities

de
werknemer
werknemers

de
beamer
beamers

de
stempel
stempels

de
map
mappen

de
envelop
enveloppen

de
postzegel
postzegels

het
pakket
pakketten

trình duyệt

đầu tư

sàn giao dịch chứng khoán

tiền giấy

tiền xu

tiền lãi

khoản vay

số tài khoản

tài khoản ngân hàng

de
effectenbeurs
effectenbeursen

de
investering
investeringen

de
browser
browsers

de
rente
rentes

de
munt
munten

het
biljet
biljetten

de
bankrekening
bankrekeningen

het
rekeningnummer
rekeningnummers

de
lening
leningen

Thiết bị

điện thoại

bộ tivi

máy ảnh

đài radio

quạt

máy điều hòa

máy pha cà phê

máy nướng bánh mì

máy hút bụi

máy sấy tóc

ấm đun nước

máy rửa chén

bếp điện

lò nướng

lò vi sóng

tủ lạnh

máy giặt

điều khiển từ xa

tai nghe

chuột

bàn phím

de
camera
camera's

de
tv
tv's

de
telefoon
telefoons

de
airconditioning

de
ventilator
ventilatoren

de
radio
radio's

de
stofzuiger
stofzuigers

het
broodrooster
broodroosters

het
koffiezetapparaat
koffiezetapparaten

de
vaatwasmachine
vaatwasmachines

de
waterkoker
waterkokers

de
haardroger
haardrogers

de
magnetron
magnetrons

de
oven
ovens

het
fornuis
fornuizen

de
afstandsbediening
afstandsbedieningen

de
wasmachine
wasmachines

de
koelkast
koelkasten

het
toetsenbord
toetsenborden

de
muis
muizen

de
oortelefoon
oortelefoons

ổ cứng

thanh USB

máy quét

máy in

màn hình

máy tính xách tay

rô bốt

loa

de
scanner
scanners

de
USB-stick
USB-sticks

de
harde schijf
harde schijven

de
laptop
laptops

het
scherm
schermen

de
printer
printers

de
luidspreker
luidsprekers

de
robot
robots